

I. Yêu cầu cần đạt:

** Kiến thức, kỹ năng:*

- Nhận biết được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau và tìm được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý.

- Đặt câu khiến phù hợp tình huống.

** Năng lực, phẩm chất:*

- Phát triển năng lực: ngôn ngữ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác nhóm, chia sẻ.

- Phát triển phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bài giảng Power Point; máy soi

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Hoạt động mở đầu (2-3’):</p> <p><i>* Khởi động:</i></p> <p>- Trước khi vào bài mới, chúng ta hãy cùng nhau khởi động với bài hát “<i>Từ trái nghĩa</i>” nhé!</p> <p>- Các em đã thấy thoải mái chưa nào?</p> <p><i>* Kết nối:</i></p> <p>+ Các em thấy bài hát có hay không?</p> <p>+ Bài hát nói về điều gì?</p> <p><i>Đúng rồi các em ạ! Để nhận biết và tìm được những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau; đặt được câu khiến phù hợp với tình huống chúng ta cùng đến với bài: Luyện tập: Từ trái nghĩa. Câu khiến</i></p> <p>-> GV ghi bài</p>	<p>- HS hát múa theo nhạc</p> <p>- <i>Rồi ạ!</i></p> <p>- <i>Có ạ</i></p> <p>- <i>Từ trái nghĩa</i></p> <p>- HS nhắc lại tên bài</p>
<p>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30-32’):</p> <p><i>* Bài 1/118 (10-12’):</i> Tìm trong những từ dưới đây cặp từ nào có nghĩa trái ngược nhau.</p> <p>- GV đưa hình ảnh + mẫu lên MH</p> <p>+ Các em hãy đọc thầm, xác định yêu cầu BT 1</p> <p>+ Cô mời 1 bạn nêu yêu cầu BT1</p> <p>- Quan sát kĩ mẫu, tìm và nối các từ có ý nghĩa trái ngược nhau vào phiếu BT (1’)</p> <p>- Trao đổi với bạn bên cạnh, thống nhất</p>	<p>- Đọc thầm, xác định yêu cầu</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1</p> <p>- HS làm việc cá nhân</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>kết quả (2')</p> <p>- GV tương tác với HS: + <i>Nhóm em nói được những cặp từ nào?</i> + <i>Dựa vào đâu em nói được cặp từ lớn - bé?</i></p> <p>- Chữa bài: Trò chơi “Tiếp sức” + Vừa rồi cô đến 1 số nhóm, cô thấy các em đã thảo luận rất tích cực và sôi nổi. Các em đã trao đổi và thống nhất được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau. Cô khen cả lớp !</p> <p>Bây giờ các em có thích chơi trò chơi không? Chúng ta sẽ cùng chơi trò chơi “Tiếp sức”. Trò chơi như sau: <i>Cô sẽ mời 2 đội chơi, mỗi đội 8 bạn. Nhiệm vụ của các bạn trong mỗi đội sẽ lần lượt gắn các từ để tạo thành các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau. Đội nào gắn đúng và nhanh nhất sẽ là đội chiến thắng. Thời gian cho trò chơi là 2’</i> <i>Các em đã sẵn sàng chơi chưa?</i></p> <p>- GV gọi HS NX các đội chơi</p> <p>+ Chúng ta cùng nhau kiểm tra kết quả của đội 1 (GV nói cặp từ: nhanh - chậm,...) - Chốt kết quả đội 1 + Bây giờ, chúng ta cùng nhau đối chiếu bài của đội 2 với bài của đội 1 + Như vậy, cả 2 đội đã tìm đúng và nhanh các từ có nghĩa trái ngược nhau. Cô khen cả 2 đội. - GV hỏi đội 1: + <i>Vì sao em ghép được cặp từ nóng - lạnh?</i></p> <p>+ <i>Vậy đội 2, 1 bạn cho cô biết để ghép được cặp từ lớn - bé em làm ntn?</i></p>	<p>- vui-buồn, nóng-lạnh, đẹp-xấu, lớn-bé - Em dựa vào nghĩa của từ, lớn-bé là cặp từ chỉ đặc điểm về kích thước có nghĩa trái ngược nhau. - HS lắng nghe</p> <p>- <i>Có ạ!</i> - HS lắng nghe</p> <p>- <i>Rồi ạ!</i> - HS chơi. HS dưới lớp cổ vũ - <i>Các bạn đã tham gia chơi rất tích cực và sôi nổi.</i></p> <p>- HS kiểm tra, NX - HS đối chiếu, NX</p> <p>+ <i>Em dựa vào nghĩa của từ. Nóng: có nhiệt độ cao hơn so với mức trung bình, gây ra cảm giác nóng. Lạnh: có nhiệt độ thấp hơn so với mức trung bình, gây ra cảm giác lạnh. Nên 2 từ có nghĩa trái ngược nhau</i> - HS nêu theo ý hiểu: <i>Em dựa vào</i></p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>- GV giải nghĩa rõ hơn: <i>Đúng rồi các em ạ. Cô bổ sung thêm cho bạn, cặp từ lớn-bé ngoài để chỉ đặc điểm về kích thước, còn chỉ về số lượng, phạm vi hoặc giá trị có nghĩa trái ngược nhau.</i></p> <p>+ Các em cùng quan sát lên MH, đây là bài làm đúng của cô.</p> <p>- GV chiếu kết quả</p> <p>+ Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ trong từng cặp?</p> <p>- GV chỉ các cặp từ, chốt: <i>Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau chính là các cặp từ trái nghĩa.</i></p> <p>-> Qua bài 1, các em đã biết tìm đúng các cặp từ trái nghĩa. Chúng ta sẽ vận dụng những hiểu biết ở BT1 để làm BT2 nhé.</p> <p>* Bài 2/118 (10-12’): Tìm thêm 3-5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau (chiếu yêu cầu + tranh)</p> <p>- Cô mời 1 bạn đọc to yêu cầu BT2, cả lớp đọc thầm</p> <p>+ Đây là bức tranh vẽ cuộc thi chạy giữa Rùa và Thỏ. Trong bức tranh còn có rất nhiều các sự vật khác nhau. Các em hãy cùng thi xem ai tìm được đúng và nhiều các cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau của các sự vật đó nhé.</p> <p>- Một bạn đọc to cặp từ mẫu</p> <p>+ Theo em, <i>nhANH-chẬM</i> là đặc điểm của con vật nào trong tranh?</p> <p>- Chúng ta hãy cùng làm việc nhóm 4 theo KT khăn trải bàn. Thời gian làm việc của các nhóm là 5 phút. 2 phút làm việc cá nhân, ghi các cặp từ các em tìm được vào phần bảng cá nhân. 3 phút thảo luận, thống nhất ý kiến trong nhóm 4 và ghi vào phần bảng nhóm. 2 nhóm nhanh nhất sẽ được gắn bài của nhóm mình lên bảng lớp.</p> <p>- GV quan sát, giúp đỡ các nhóm</p> <p>+ <i>Vì sao nhóm em lại tìm được cặp từ</i></p>	<p><i>nghĩa của từ. Lớn và bé là 2 từ chỉ đặc điểm về kích thước có nghĩa trái ngược nhau.</i></p> <p>- 1 HS đọc lại các cặp từ</p> <p>- 2 từ trong một cặp có ý nghĩa trái ngược nhau</p> <p>- 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc</p> <p>- <i>Nhanh là đặc điểm của thỏ, chậm là đặc điểm của rùa.</i></p> <p>- HS thảo luận, thống nhất ý kiến</p> <p>- <i>Vì trong bức tranh có 2 cái cây, 1 cây</i></p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><i>cao-thấp?</i> + Theo em hiểu, thắng-thua là ntn?</p> <p>- Chữa bài: + Cô thấy các nhóm đã thảo luận và trao đổi rất tích cực, sôi nổi, tìm được nhiều các cặp từ trái nghĩa. Các em đã tự tin trình bày ý kiến cá nhân và tương tác với các bạn trong nhóm rất tốt. Cô khen cả lớp.</p> <p>+ Cô mời đại diện 1 nhóm chia sẻ. Các nhóm khác cùng đối chiếu bài với nhóm bạn.</p> <p>- GV quan sát HS phân chia sẻ</p> <p>- Cô khen các nhóm đều đã tìm đúng và rất nhiều các cặp từ trái nghĩa. - Đưa các từ lên MH: Đây là bài làm đúng, mời 1 bạn đọc. - Để làm đúng BT2, em cần lưu ý gì?</p> <p>- Mở rộng: Vậy ngoài các cặp từ trái nghĩa mà chúng ta vừa tìm được, các em hãy quan sát các sự vật trong lớp mình, NX và nêu các cặp từ trái nghĩa khác? + Vì sao em tìm được cặp từ đen - trắng?</p> <p>- GV giải thích:</p>	<p><i>cao 1 cây thấp</i> - Con vật nào về đích trước là thắng, về đích sau là thua</p> <p>- 1 nhóm chia sẻ - 1 nhóm lên đối chiếu - các nhóm khác cũng đối chiếu bài với nhóm bạn. Các nhóm bên dưới cùng quan sát, NX, bổ sung</p> <p>- Dự kiến câu hỏi chia sẻ: + Các cặp từ: <i>cao-thấp, thắng-thua, trên-dưới, trước- sau, rộng-hẹp, tròn-méo, xa-gần</i> + Vì sao bạn tìm được cặp từ tròn-méo là cặp từ trái nghĩa? + Nhóm tớ bổ sung thêm cặp từ to - nhỏ + Nhóm tớ cũng tìm được các cặp từ như nhóm bạn, tớ bổ sung thêm cặp từ trời-đất. -> HS chia sẻ NX: Bạn tìm đúng cặp từ trái nghĩa nhưng không đúng yêu cầu bài vì cặp từ trời- đất là cặp từ chỉ sự vật không phải là chỉ đặc điểm.</p> <p>- 1 HS đọc to</p> <p>- Em cần quan sát bức tranh, nhận xét về đặc điểm của các sự vật có trong bức tranh và hiểu được nghĩa của các từ. - HS nêu: <i>béo - gầy, nặng - nhẹ, đen - trắng</i></p> <p>- Vì em thấy em da em trắng còn da bạn đen.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><i>trắng: có màu sắc sáng, đen: màu tối, không sáng. Nên 2 từ này có nghĩa trái ngược nhau.</i></p> <p>-> Cô khen các em đã hiểu bài và biết vận dụng vào tìm từ có nghĩa trái ngược nhau trong thực tế.</p> <p>- GV chốt: <i>Như vậy, qua BT1 và BT2, các em đã nắm chắc KT về từ trái nghĩa. Chúng ta cùng nhau chuyển sang BT3.</i></p> <p>* Bài 3/112 (8-10'): Đọc lại câu chuyện <i>Đi tìm mặt trời</i>, đặt câu khiến trong mỗi tình huống sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thầm xác định yêu cầu - Bài 3 có mấy yêu cầu, là những yêu cầu nào? - 1 ban đọc to bài <i>Đi tìm mặt trời</i>, cả lớp đọc thầm + Các em hãy đọc kĩ 2 TH, đặt câu khiến phù hợp vào vở - Chữa bài: Soi bài <p>- GV NX: <i>Vừa rồi cô thấy các em đã tương tác, chia sẻ rất sôi nổi với nhau. Các em đã tự tin trình bày ý kiến của mình và làm bài tốt.</i></p> <p>- GV chốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến? + Khi đọc câu khiến, em cần lưu ý gì? + Bạn nào có thể lên đây, đóng vai Gõ Kiến, đến nhờ Công, Liễu Điều, Chích chòe đi tìm Mặt trời nào? + Các em thấy bạn đóng vai chim Gõ kiến có hay không? Chúng ta khen bạn nào! -> BT3 đã giúp chúng ta luyện tập thêm về câu khiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm - HS nêu - HS đọc - HS làm vở - Chia sẻ, NX, bổ sung - Dự kiến chia sẻ: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Vì sao bạn cho câu phần a (b) là câu khiến?</i> + <i>Ngoài các câu tớ đặt, bạn nào có câu khác không?</i> - Mục đích: Nêu yêu cầu, đề nghị Hình thức: Có các từ: <i>hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé</i>. Có dấu chấm than ở cuối câu. - Nhấn giọng ở các từ <i>hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé</i> - <i>Công ơi, hãy cùng đi tìm Mặt trời cứu cư dân trong rừng nhé!</i> - Có ạ!

Trường Tiểu học Bạch Đằng

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3. Tổng kết (3-5’): - Em hãy nêu 3 điều em học được (cảm nhận) trong tiết học hôm nay - Nhận xét giờ học.	- HS nêu: + <i>Biết thêm về từ trái nghĩa</i> + <i>Biết tìm các từ trái nghĩa</i> + <i>Luyện tập thêm về câu khiến</i>

TỔ CHUYÊN MÔN
(Đã duyệt)